TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRI TÔN** TỈNH AN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 32/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 28 - 8 – 2018
Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN TỈNH AN GIANG

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thiện

Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Chế Thị Hồng Cẩm

2.Bà Neáng Sâm Bô

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Kim Liệu – Là Thư ký củaTòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa: Không tham gia

Ngày 28 tháng 8 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 48/2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018 về Tranh chấp Hôn nhân và gia đình về ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Anh Chau D, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Số 323,Tổ 23, ấp T H, xã N T, huyện T T, tỉnh A G – có mặt

2.Bị đơn: Chị Danh Thị Đ, sinh năm 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 23, ấp T H, xã N T, huyện T T, tỉnh A G – có mặt

*3.Người phiên dịch :*Ông Chau Sóc Ph – Công tác tại Ủy ban nhân dân xã C T, huyện T T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 23 tháng 02 năm 2018 và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Anh Chau

D trình bày: Anh và chị Danh Thị Đ được hai gia đình tổ chức lễ cưới vào năm 2009, sau đó có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N T, huyện T T. Thời gian chung sống được khoảng mấy tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm, chị Đ bỏ về bên gia đình cha mẹ ruột nên anh, chị chia tay nhau và sống ly thân cho đến nay. Hiên nay anh D đã có vợ,chị Đ cũng có chồng khác, do vậy anh D yêu cầu được ly hôn với chị Đ

Anh và chị Đ có 1 con chung, tên Danh Thị L, sinh ngày 01/6/2010, hiện chị Đ đang nuôi dạy. Ly hôn anh đồng ý giao cho chị Đ được tiếp tục nuôi dạy con chung, đồng thời anh đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng với số tiền là 700.000 đồng tính từ ngày xét xử đến khi cháu L trưởng thành

Tài sản chung và nợ chung: Không có

Bị đơn Chị Danh Thị Đ trình bày: thống nhất về điều kiện và thời gian đi đến hôn nhân như anh D đã trình bày. Chị cũng đồng ý ly hôn bởi vì trong thời gian sống ly thân anh chị không tạo được cơ hội hàn gắn đoàn tụ, hiện tại chị và anh D cũng đã có gia đình mới.

Về con chung: Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi cháu tên Danh Thị L, sinh ngày 01/6/2010, nhưng yêu cầu buộc anh D phải cấp dưỡng một lần với số tiền là 700.000 đồng/tháng,kể từ ngày cháu L mới sinh cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị Đ xác nhận không có

Tại phiên tòa : Anh D và chị Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về tố tụng:

Anh Chau D có yêu cầu ly hôn với chị Danh Thị Đ hiện có địa chỉ cư trú và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại Tổ 23, ấp T H, xã N T, huyện T T, tỉnh A G. Nên xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, theo qui định tại khoản 1 Điều 28 và điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung

[2.1].Quan hệ hôn nhân:

Anh Chau D và chi Danh Thị Đ tự nguyện chung sống với nhau, được gia đình tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền theo đúng qui định của pháp luật, nên đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận

Theo anh D cho rằng nguyên nhân yêu cầu ly hôn do cuộc sống chung không được bao lâu thì đã phát sinh mâu thuẫn, dẫn đến hai người sống ly thân từ đó đến nay. Trong thời gian sống ly thân hai người không tạo được cơ hội

hàn gắn đoàn tụ và hiện nay hai anh đã có vợ, chị Đ cũng có chồng khác.Chị Đ cũng đồng ý ly hôn bởi cuộc sống chung không có hạnh phúc , đồng thời hiện nay hai người đã có gia đình khác. Từ đó chứng tỏ tình cảm giữa anh D và chị Đ không còn, mục đích của hôn nhân không đạt, do vậy công nhận sự thuận tình ly hôn của anh D và chị Đ là có căn cứ, phù hợp pháp luật.

[2.2].Quan hệ con chung: Anh D và chị Đ có một con chung tên Danh Thị L, sinh ngày 01/6/2010, hiện chi Đ đang nuôi dạy. Ly hôn chị Đ yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy con chung, anh D cũng đồng ý. Cháu Danh Thị L sinh ngày 01/6/2010, tính đến ngày xét xử sơ thẩm cháu đã hơn 07 (bảy) tuổi, nhưng do cháu bị bệnh bẩm sinh nên Tòa án không thể ghi nhận nguyện vọng của cháu được. Tuy nhiên, từ khi sinh cháu L,chị Đ là người trực tiếp nuôi dưỡng, nay chị Đ có yêu cầu được tiếp tục nuôi dạy, anh D cũng đồng ý. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận và phù hợp pháp luật nên được công nhận.

Chị Đ yêu cầu anh D phải có trách nhiệm cấp dưỡng một lần với mức cấp dưỡng là 700.000 đồng/tháng tính từ ngày 01/6/2010 đến ngày Tòa án xét xử vụ án, anh D không chấp nhận mà chỉ đồng ý cấp dưỡng mỗi tháng là 700.000 đồng tính từ ngày Tòa án xét xử sơ thẩm đến khi cháu trưởng thành.

Xét yêu cầu của chị Đ thì thấy: Kể từ thời điểm hai người sống ly thân và sinh cháu L cho đến thời điểm anh D có yêu cầu ly hôn là gần 10 năm, chị Đ không có yêu cầu về khoản trợ cấp hoặc cấp dưỡng nuôi con, hơn nữa về điều kiện và hoàn cảnh của anh D cũng không có khả năng cấp dưỡng nuôi con một lần tính từ năm 2010 cho đến nay. Chính vì vậy yêu cầu của chị Đ không có căn cứ chấp nhận, mà xét công nhận sự tự nguyện của anh D cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng với số tiền 700.000 đồng, tính từ ngày xét xử sơ thẩm đến khi cháu L trưởng thành và tự lập được là thỏa đáng

[2.3].Quan hệ tài sản: Anh D và chị Đ xác định không có tài sản chung và không có khoản nợ chung nên không đề cập xem xét

[3].Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Anh Đ khởi kiện ly hôn nên phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và phải chịu án phía DSST (cấp dưỡng nuôi con) theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 55, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28,điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường Vụ Quốc Hội.

Xử:

-Quan hệ hôn nhân

Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Chau D và chị Danh Thị Đ

- Quan hệ con chung: Chị Danh Thị Đ được tiếp tục nuôi dạy cháu Danh Thị L, sinh ngày 01/6/2010; anh D có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng là 700.000 đồng, tính từ tháng 8/2018 đến khi cháu L trưởng thành và tự lập được.

Không bên nào được ngăn cản quyền gặp gỡ và chăm sóc con chung, vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con

-Về án phí: Anh Chau D chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm ngàn)tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm ngàn) tiền tạm ứng án phí DSST đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: Tu/2015/0018276, ngày 23/02/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T T, như vậy anh D còn phải nộp thêm 300.000 đồng (ba trăm ngàn).

- Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Nơi nhận:
- VKSND huyện TT ;
-Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án ;
- Lưu VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Văn Thiện